

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2022

V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng
và Yêu cầu chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân*

**Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Vân

2. Bà Dương Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2022 về “ Không công nhận quan hệ vợ chồng và Yêu cầu chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969 (có mặt)*

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hoàng Mai 1, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1974 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hoàng Mai 1, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1994 (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998 (vắng mặt)

- Anh Tô Văn T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Đều cư trú: Tổ dân phố Hoàng Mai 1, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Đều cư trú: Tổ dân phố Hoàng Mai 2, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1973 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hoàng Mai 1, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2021 và đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 30/12/2021, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị N chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn Hoàng Mai (nay là tổ dân phố Hoàng Mai 1), xã Hoàng Ninh (nay là thị trấn Nénh) từ năm 1992 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định, có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, ban đầu ông và bà N chung sống hạnh phúc. Từ năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và nuôi dạy con cái, bà N đối xử không tốt với bên gia đình nhà ông. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông và bà N sống ly thân nhau từ tháng 6/2021 cho đến nay không quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay ông xác định ông và bà N không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà N là vợ chồng.

- Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung là Nguyễn Văn B, sinh ngày 04/7/1994 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/11/1998, hiện cả 02 con đều đã trưởng thành, ông không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc giải quyết vụ án ông L yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản giữa ông và bà N gồm các tài sản như sau:

+ Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 12, diện tích 296,7m², địa chỉ: Xóm Ga, thôn Hoàng Mai, xã Hoàng Ninh (Nay là TDP Hoàng Mai 1, thị trấn Nénh), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã được UBND huyện Việt Yên cấp GCN QSD Đất số AB718640, sổ vào sổ cấp GCN QSD Đất số 03606 ngày 24/4/2005 cho Người sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị N;

+ Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 12, diện tích 155,9m², địa chỉ: Xóm Ga, thôn Hoàng Mai, xã Hoàng Ninh (Nay là TDP Hoàng Mai 1, thị trấn Nénh), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã được UBND huyện Việt Yên cấp GCN QSD Đất số AB718641, sổ vào sổ cấp GCN QSD Đất số 03605 ngày 24/4/2005 cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị N.

+Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12, diện tích 154,4m², địa chỉ, xã Hoàng Ninh (Nay là TDP Hoàng Mai 1, thị trấn Nénh), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã được UBND huyện Việt Yên cấp GCN QSD Đất số AB718637, sổ vào sổ cấp GCN QSD Đất số 03609 ngày 24/4/2005 cho Người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị N.

+ Thừa đất số 85, tờ bản đồ số 12, diện tích 155,9m², địa chỉ: thôn Hoàng Mai, xã Hoàng Ninh (Nay là TDP Hoàng Mai 1, thị trấn Nénh), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã được UBND huyện Việt Yên cấp GCN QSD Đất số A0780062, số vào sổ cấp GCN QSD Đất H04838 ngày 03/3/2009 cho Người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị N.

Nay ông xác định ông và bà N có các tài sản trên là tài sản chung và đề nghị Tòa án phân chia cho ông và bà N khi giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng. Ông đề nghị Tòa án công nhận các tài sản nêu trên là tài sản chung của ông và bà N và phân chia tài sản chung trên theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung : Ông và bà N không có khoản nợ chung nào.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn L có mặt trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà N; Về con chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung ông vẫn giữ nguyên đơn xin rút nội dung khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bà Trần Thị N là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc, xét xử của Tòa án bà N đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho bà N về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai và những tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng bà N không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị N vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông L chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn bà N chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị N.

Về án phí, quyền kháng cáo các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa ông L và bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà N có nơi cư trú: Tổ dân phố Hoàng Mai 1, thị trấn Nénh,

huyện Việt Yên nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị N xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nénh. Hội đồng xét xử xét thấy ông L và bà N sau khi về chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông L và bà N sống ly thân nhau từ tháng 6/2021 cho đến nay không quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông L xác định ông và bà N không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Mặt khác, qua xác minh ở địa phương thì xác định ông L và bà N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông L, bà N có xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, ông L và bà N đã sống ly thân nhau. Việc ông L và bà N sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, ông L có đơn yêu cầu giải quyết thì xác định không công nhận ông L, bà N là vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình

* Về con chung: Ông L xác định có 02 con chung là Nguyễn Văn B, sinh ngày 04/7/1994 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/11/1998, hiện cả 02 con đều đã trưởng thành, ông không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Ông L đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ xét xử yêu cầu này của ông L theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị N.

[2] Về con chung: Ông L xác định có 02 con chung là Nguyễn Văn B, sinh ngày 04/7/1994 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/11/1998, hiện cả 02 con đều đã trưởng thành, ông không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn L.

[4] Án phí: Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 21.000.000 đồng theo biên lai số 0006185 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Hoàn trả ông L số tiền 20.700.000 đồng chênh lệch.

[5] Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND thị trấn Nénh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

